**Mẫu số 15. Đơn đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
---------------**

**ĐƠN ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI, TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT**

Kính gửi: …………………….. (1)

1. Người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất, người quản lý đất:

*(Trường hợp nhiều người cùng sử dụng đất, cùng sở hữu tài sản thì kê khai tên người cùng sử dụng đất, cùng sở hữu tài sản đó theo Mẫu số 15a)*

a) Họ và tên (2): ............................................................................................................

b) Giấy tờ nhân thân/pháp nhân (3): ..............................................................................

c) Địa chỉ (4):.................................................................................................................

d) Điện thoại liên hệ (nếu có): …………………….. Hộp thư điện tử (nếu có): ...................

2. Thửa đất đăng ký *(người sử dụng đất là tổ chức thì không phải kê khai mục này)*:

*(Trường hợp đăng ký nhiều thửa đất nông nghiệp mà không đề nghị cấp Giấy chứng nhận hoặc đề nghị cấp chung một Giấy chứng nhận cho nhiều thửa đất nông nghiệp thì không kê khai các nội dung tại Mục này mà chỉ ghi tổng số thửa và kê khai từng thửa đất theo Mẫu số 15b)*

a) Thửa đất số: …………………………….; 2.2. Tờ bản đồ số: ........................................

b) Địa chỉ (5): ................................................................................................................

c) Diện tích (6): ……………. m2; sử dụng chung: …….…..m2; sử dụng riêng: ………….m2.

d) Sử dụng vào mục đích(7): …………………………, từ thời điểm: ..................................

d) Thời hạn đề nghị được sử dụng đất(8): ......................................................................

e) Nguồn gốc sử dụng đất(9): ........................................................................................

g) Có quyền hoặc hạn chế quyền đối với thửa đất liền kề số …………, tờ bản đồ số ………, của ……..……, nội dung về quyền đối với thửa đất liền kề …………….. (10).

3. Nhà ở, công trình xây dựng *(người sử dụng đất là tổ chức thì không phải kê khai mục này)*:

*(Chỉ kê khai nếu có nhu cầu đăng ký hoặc chứng nhận quyền sở hữu tài sản; Trường hợp có nhiều nhà ở, công trình xây dựng khác trên cùng 01 thửa đất thì chỉ kê khai các thông tin chung và tổng diện tích của các nhà ở, công trình xây dựng; đồng thời lập danh sách nhà ở, công trình theo Mẫu số 15c)*

a) Loại nhà ở, công trình xây dựng (11): .........................................................................

b) Diện tích xây dựng(12): …………… m2.

c) Diện tích sàn xây dựng/diện tích sử dụng (13): ……………..m2.

d) Sở hữu chung(14): …………… m2, sở hữu riêng(14): ……………….. m2.

đ) Số tầng: …….. tầng; trong đó, số tầng nổi: ……… tầng, số tầng hầm: ……….tầng.

e) Nguồn gốc (15): ........................................................................................................

g) Năm hoàn thành xây dựng(16): ..................................................................................

h) Thời hạn sở hữu đến (17): .........................................................................................

i) Cam kết về việc đủ điều kiện tồn tại nhà ở, công trình xây dựng(18): □

4. Đề nghị của người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất: *(Đánh dấu  vào ô lựa chọn)*

a) Đề nghị đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất □

b) Đề nghị cấp Giấy chứng nhận □

c) Đề nghị ghi nợ tiền sử dụng đất *(đối với cá nhân)* □

d) Đề nghị khác (nếu có): .............................................................................................

5. Những giấy tờ nộp kèm theo(19):

(1) ..............................................................................................................................

(2) ..............................................................................................................................

(3) ..............................................................................................................................

Tôi/chúng tôi xin cam đoan nội dung kê khai trên đơn là đúng sự thật, nếu sai tôi/chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

|  |  |
| --- | --- |
|  | *..... ngày .... tháng... năm ...***Người sử dụng đất/Người kê khai***(Ký, ghi rõ họ tên hoặc đóng dấu (nếu có))* |

**Hướng dẫn kê khai đơn:**

(1) Ghi cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục. (Lưu ý: xem kỹ hướng dẫn viết Đơn trước khi kê khai; không tẩy xóa, sửa chữa trên Đơn).

(2) Cá nhân: Ghi họ và tên bằng chữ in hoa, năm sinh theo giấy tờ nhân thân. Người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài: Ghi họ tên, năm sinh, quốc tịch. Cộng đồng dân cư: Ghi tên của cộng đồng dân cư. Tổ chức: Ghi theo quyết định thành lập hoặc giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy phép đầu tư.

(3) Cá nhân: Ghi số định danh cá nhân hoặc số, ngày cấp và nơi cấp hộ chiếu.

Tổ chức: Ghi số, ngày ký, cơ quan ký văn bản theo quyết định thành lập hoặc giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy phép đầu tư.

(4) Cá nhân: Ghi địa chỉ nơi đăng ký thường trú. Người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài: Ghi địa chỉ đăng ký thường trú ở Việt Nam (nếu có). Cộng đồng dân cư: Ghi địa chỉ nơi sinh hoạt chung của cộng đồng.

Tổ chức: Ghi địa chỉ trụ sở chính theo quyết định thành lập hoặc giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy phép đầu tư.

(5) Ghi số nhà, tên đường, phố (nếu có); tên điểm dân cư (tổ dân phố, thôn, xóm, làng, ấp, bản, bon, buôn, phum, sóc, điểm dân cư tương tự) hoặc tên khu vực, xứ đồng (đối với thửa đất ngoài khu dân cư); tên đơn vị hành chính các cấp xã, tỉnh nơi có thửa đất.

(6) Ghi diện tích của thửa đất bằng số Ả Rập, được làm tròn số đến một chữ số thập phân;.

(7) Ghi mục đích đang sử dụng chính của thửa đất. Từ thời điểm ghi ngày ... tháng ... năm ...

(8) Ghi “đến ngày …/…/…” hoặc “Lâu dài” hoặc ghi bằng dấu “-/-” nếu không xác định được thời hạn.

(9) Ghi được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc giao đất không thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê hoặc cho thuê đất trả tiền thuê đất hằng năm hoặc nhận chuyển quyền (chuyển đổi, chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho, góp vốn) hoặc nguồn gốc khác như do ông cha để lại, lấn, chiếm, giao đất không đúng thẩm quyền, khai hoang...

(10) Ghi theo văn bản xác lập quyền được sử dụng.

(11) Ghi Nhà ở riêng lẻ/căn hộ chung cư/văn phòng/nhà xưởng ...

(12) Đối với nhà ở riêng lẻ, công trình xây dựng độc lập ghi diện tích mặt bằng chiếm đất của nhà ở, công trình tại vị trí tiếp xúc với mặt đất theo mép ngoài tường bao của nhà ở, công trình được làm tròn số đến một chữ số thập phân.

Đối với căn hộ chung cư, văn phòng, hạng mục công trình thuộc tòa nhà chung cư, tòa nhà hỗn hợp thì ghi diện tích sàn/diện tích sử dụng căn hộ chung cư, văn phòng, hạng mục công trình đó.

(13) Đối với nhà ở, công trình một tầng thì không ghi nội dung này. Đối với nhà ở, công trình nhiều tầng thì ghi tổng diện tích mặt bằng sàn xây dựng của các tầng.

(14) Diện tích “Sở hữu chung” là phần diện tích thuộc quyền sở hữu của nhiều người; Diện tích “Sở hữu riêng” là phần diện tích thuộc quyền sở hữu của một người (một cá nhân, một cộng đồng dân cư).

(15) Ghi tự đầu tư xây dựng, mua, được tặng cho ...

(16) Chủ sở hữu tài sản tự xác định và chịu trách nhiệm đối với nội dung kê khai.

(17) Ghi “đến ngày …/…/…” hoặc ghi bằng dấu “-/-” nếu không xác định được thời hạn.

(18) Trường hợp người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất đề nghị chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, công trình xây dựng thuộc trường hợp phải xin phép xây dựng quy định tại khoản 3 Điều 148, khoản 3 Điều 149 của Luật Đất đai mà không có giấy xác nhận của cơ quan có thẩm quyền thì đánh dấu  vào ô lựa chọn.

(19) Đối với tổ chức thì phải nộp kèm theo Báo cáo kết quả rà soát hiện trạng sử dụng đất của tổ chức theo Mẫu số 15d hoặc Báo cáo kết quả rà soát hiện trạng sử dụng đất của người được giao quản lý đất/người được quản lý đất Mẫu số 15đ, trừ trường hợp tổ chức nhận chuyển nhượng dự án đầu tư có sử dụng đất.

**Mẫu số 15a. Danh sách những người sử dụng chung thửa đất, Sở hữu chung tài sản gắn liền với đất**

**DANH SÁCH
NHỮNG NGƯỜI SỬ DỤNG CHUNG THỬA ĐẤT, SỞ HỮU CHUNG TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT***(Kèm theo Mẫu số 15)*

Sử dụng chung thửa đất: □; Sở hữu chung tài sản gắn liền với đất: □ *(Đánh dấu vào ô lựa chọn)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số thứ tự** | **Tên người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất** | **Năm sinh** | **Giấy tờ pháp nhân, nhân thân** | **Địa chỉ** |
| **Loại giấy tờ** | **Số** | **Ngày, tháng, năm cấp** | **Cơ quan cấp** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
|  | *…., ngày … tháng … năm ….***Người sử dụng đất/Người kê khai***(Ký và ghi rõ họ tên)* |

**Hướng dẫn kê khai:**

Việc kê khai thông tin theo hướng dẫn tại Mẫu số 15

**Mẫu số 15b. Danh sách các thửa đất của một hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài**

**DANH SÁCH CÁC THỬA ĐẤT
CỦA MỘT HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN, CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ, NGƯỜI GỐC VIỆT NAM ĐỊNH CƯ Ở NƯỚC NGOÀI***(Kèm theo Mẫu số 15)*

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số thứ tự** | **Thửa đất số** | **Tờ bản đồ số** | **Địa chỉ thửa đất** | **Diện tích (m2)** | **Sử dụng vào mục đích** | **Thời hạn đề nghị được sử dụng đất** | **Nguồn gốc sử dụng đất** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
|  | *…., ngày … tháng … năm ….***Người sử dụng đất/Người kê khai***(Ký và ghi rõ họ tên)* |

**Hướng dẫn kê khai:**

Việc kê khai thông tin theo hướng dẫn tại Mẫu số 15.

**Mẫu số 15c. Danh sách tài sản gắn liền với đất trên cùng một thửa đất**

**DANH SÁCH
TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT TRÊN CÙNG MỘT THỬA ĐẤT***(Kèm theo Mẫu số 15)*

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Loại nhà ở, công trình xây dựng** | **Diện tích xây dựng (m2)** | **Diện tích sàn xây dựng/diện tích sử dụng (m2)** | **Hình thức sở hữu (chung, riêng)** | **Số tầng (tầng nổi, tầng hầm)** | **Nguồn gốc** | **Thời hạn sở hữu** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) |
|  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
|  | *…., ngày … tháng … năm ….***Người sử dụng đất/Người kê khai***(Ký và ghi rõ họ tên)* |

**Hướng dẫn kê khai:**

Việc kê khai thông tin theo hướng dẫn tại Mẫu số 15.

**Mẫu số 15d. Báo cáo kết quả rà soát hiện trạng sử dụng đất của tổ chức, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc**

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN TỔ CHỨC BÁO CÁO:…**.(1)**-------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc---------------** |
| Số: ... /BC-... | *…., ngày .... tháng .... năm ....* |

**BÁO CÁO**

**Kết quả rà soát hiện trạng sử dụng đất của tổ chức, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố ………..

**I. HIỆN TRẠNG QUẢN LÝ, SỬ DỤNG ĐẤT**

1. Tên tổ chức sử dụng đất: ..................................................................................... (2)

2. Địa chỉ thửa đất/khu đất: ......................................................................................  (3)

3. Tổng diện tích đất đang quản lý, sử dụng: ………………………………….m2; trong đó:

a) Diện tích đất sử dụng đúng mục đích: ................................................................... m2.

b) Diện tích đất đang liên doanh, liên kết sử dụng: .................................................... m2.

c) Diện tích đất đang cho thuê, cho mượn sử dụng: .................................................. m2.

d) Diện tích đất đang bị lấn, bị chiếm: ....................................................................... m2.

đ) Diện tích đất đang có tranh chấp sử dụng: ............................................................ m2.

e) Diện tích đất đã bố trí làm nhà ở: .......................................................................... m2.

g) Diện tích đất chưa sử dụng: ................................................................................. m2.

h) Diện tích khác: .................................................................................................... m2.

4. Mục đích sử dụng đất:

a) Mục đích theo Quyết định giao đất, cho thuê đất (nếu có): .....................................

b) Mục đích thực tế đang sử dụng: ...........................................................................  m2.

5. Tài sản gắn liền với đất:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Loại công trình xây dựng** | **Diện tích xây dựng (m2)** | **Tổng diện tích sàn (m2)** | **Số tầng** | **Thời hạn sở hữu** | **Tại thửa đất số** |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |

**II. THỜI HẠN SỬ DỤNG ĐẤT**

Sử dụng từ ngày .... tháng ….. năm ….. đến ngày .... tháng ….. năm …..

**III. NGUỒN GỐC SỬ DỤNG ĐẤT**

1. Diện tích được Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất: .................................. m2.

2. Diện tích được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất: ........................................ m2.

3. Diện tích được Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê một lần cho cả thời gian thuê: ...... m2.

4. Diện tích được Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm: ............................ m2.

5. Diện tích đất nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất: ............................................. m2.

6. Diện tích đất có nguồn gốc khác (ghi cụ thể): ............................................................ m2.

**IV. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH VỀ ĐẤT ĐAI***(nếu có)*

1. Tiền sử dụng đất đã nộp: …………………………… ; Số tiền còn nợ: ..........................

2. Tiền thuê đất đã nộp: ………………………………… ; tính đến ngày …... /….. / ............

3. Lệ phí trước bạ đã nộp: ……………………………….; Số tiền còn nợ: .........................

Cộng tổng số tiền đã nộp: ……………………………….; Số tiền còn nợ: ..........................

**V. GIẤY TỜ VỀ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT THEO QUY ĐỊNH TẠI ĐIỀU 137 CỦA LUẬT ĐẤT ĐAI***(nếu có)*

1. ...............................................................................................................................

2.  ..............................................................................................................................

3. ...............................................................................................................................

**VI. KIẾN NGHỊ**

1. Diện tích đất đề nghị được tiếp tục sử dụng: ............................................................. m2.

2. Hình thức sử dụng đất:(4)..........................................................................................

3. Diện tích đất bàn giao cho địa phương quản lý: ………………….. m2, lý do …………… (5).

4. Kiến nghị giải pháp xử lý đối với diện tích đất bị lấn, bị chiếm; đang cho thuê, cho mượn trái phép, tranh chấp; diện tích đất đã bố trí làm nhà ở: .........................................................................................

Cam đoan nội dung báo cáo trên đây là đúng và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung đã báo cáo.

Kèm theo Báo cáo này có các giấy tờ sau đây:

- Trích lục bản đồ địa chính hoặc mảnh trích đo bản đồ địa chính thửa đất.

- Giấy tờ về quyền sử dụng đất*(bản sao hoặc bản gốc).*

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Đại diện của tổ chức sử dụng đất***(Ký tên, ghi rõ họ tên và đóng dấu nếu có)* |

**Hướng dẫn lập báo cáo:**

(1) Ghi tên của tổ chức theo quyết định thành lập hoặc giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy phép đầu tư.

(2) Ghi tên và địa chỉ trụ sở chính của tổ chức theo quyết định thành lập hoặc giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy phép đầu tư.

(3) Ghi tên khu vực (xứ đồng, điểm dân cư,...); số nhà, tên đường phố (nếu có), thôn, tổ dân phố, tên đơn vị hành chính cấp xã, cấp tỉnh, nơi có thửa đất/khu đất.

(4) Ghi một trong các hình thức như: giao đất có thu tiền, thuê đất trả tiền một lần, thuê đất trả tiền hằng năm.

(5) Ghi cụ thể diện tích, lý do bàn giao đất cho địa phương (nếu có).

**Mẫu số 15đ. Báo cáo kết quả rà soát hiện trạng sử dụng đất của người được giao quản lý đất/người được quản lý đất**

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN NGƯỜI ĐƯỢC GIAOQUẢN LÝ ĐẤT/NGƯỜIĐƯỢC QUẢN LÝ ĐẤT**………….. (1)**-------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc---------------** |
| Số: ... /BC-... | *……, ngày .... tháng .... năm ....* |

**BÁO CÁO**

**Kết quả rà soát hiện trạng sử dụng đất của người được giao quản lý đất/người được quản lý đất**

Kính gửi: Văn phòng đăng ký đất đai.

1. Tên người được giao quản lý đất/người được quản lý đất: ......................................... (2)

2. Địa chỉ thửa đất/khu đất: .......................................................................................... (3)

3. Tổng diện tích đất đang quản lý: …………………………………………………. m2; trong đó:

a) Diện tích đất đã có quyết định giao để quản lý *(nếu có)*: ............................................. m2.

b) Diện tích đất đang bị lấn, bị chiếm: ........................................................................... m2.

c) Diện tích đất đang có tranh chấp: ............................................................................. m2.

d) Diện tích khác: ........................................................................................................ m2.

4. Các quyết định giao đất để quản lý *(nếu có)*:

- Quyết định số ............................................................................................................

- .................................................................................................................................

- .................................................................................................................................

Cam đoan nội dung báo cáo trên đây là đúng và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung đã báo cáo.

Kèm theo báo cáo này có các giấy tờ sau đây:

- Trích lục bản đồ địa chính hoặc mảnh trích đo bản đồ địa chính thửa đất *(nếu có).*

- Quyết định giao đất để quản lý *(nếu có).*

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Người được giao quản lý đất/người được quản lý đất***(Ký tên, ghi rõ họ tên và đóng dấu nếu có)* |

**Hướng dẫn lập báo cáo:**

(1) Đối với người được giao quản lý đất thì ghi tên cơ quan, tổ chức theo quyết định thành lập hoặc giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy phép đầu tư, đối với cộng đồng dân cư quản lý đất thì ghi tên của cộng đồng dân cư.

(2) Ghi tên của người được giao quản lý đất như điểm (1) và địa chỉ trụ sở chính của cơ quan, tổ chức theo quyết định thành lập hoặc giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy phép đầu tư.

Đối với cộng đồng dân cư quản lý đất thì ghi tên như điểm (1) và địa chỉ nơi sinh hoạt chung của cộng đồng dân cư.

(3) Ghi tên khu vực (xứ đồng, điểm dân cư,...); số nhà, tên đường phố (nếu có), thôn, tổ dân phố, tên đơn vị hành chính cấp xã, cấp tỉnh, nơi có thửa đất/khu đất.